

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2022

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 378/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông B Kh Ch, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 51/7H, ấp Đ, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Ng Th Ng, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 51/7H, ấp Đ, xã B, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông B Kh Ch trình bày:

Sau một thời gian quen biết do mai mối, ông và bà Ng Th Ng tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1983, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01 ngày 06/12/1983.

Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không có quan điểm chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng ông đã sống ly thân 23 năm nay. Nay ông Ch xác định vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, ông Ch khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Có 02 con chung tên B Q T, sinh năm 1984 (đã trưởng thành); B Q B, sinh năm 1989 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ng Th Ng trình bày:

Bà và ông Ch tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện K, tỉnh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 06/12/1983.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mặc dù cả hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, ông bà đã sống ly thân 23 năm nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông Ch yêu cầu ly hôn, bà cũng đồng ý ly hôn với ông Ch.

Về con chung: Có 02 con chung tên B Q T, sinh năm 1984 (đã trưởng thành); B Q B, sinh năm 1989 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử và xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án (bao gồm các phiên tòa xét xử vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Ch và bà Ng là tranh chấp về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bà Ng có nơi cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ch và bà Ng. Tại phiên tòa, ông Ch có mặt, bà Ng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ch và bà Ng tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 06/12/1983 của UBND xã B, huyện K, tỉnh H, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Ch và bà Ng là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông Ch:

Ông Ch và bà Ng đều thống nhất trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mặc dù cả hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, ông bà đã sống ly thân 23 năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Ch và bà Ng đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ch đối với bà Ng.

[5] Về con chung: Ông Ch và bà Ng có 02 con chung tên B Q T, sinh năm 1984 (đã trưởng thành); B Q B, sinh năm 1989 (đã trưởng thành).

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ch là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật người cao tuổi;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông B Kh Ch được ly hôn với bà Ng Th Ng.
2. Về con chung: Ông Ch và bà Ng có 02 con chung tên B Q T, sinh năm 1984 (đã trưởng thành); B Q B, sinh năm 1989 (đã trưởng thành).
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B Kh Ch được miễn án phí.
5. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.
6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND B, K, H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mai

